

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 218/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-6-2021

v/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Đức Hiếu

Ông Đoàn Văn Hòa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thi Thị Hoàng Yến là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng:**  
Bà Trần Lê Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2021/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HNGĐ 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2021 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị B - Sinh năm 1984

Địa chỉ: Số 35 đường S, tổ 54 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Thế T - Sinh năm 1987.

Nơi ĐKNKTT: Số 35 đường S, tổ 54 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai, không có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2021, bảng tự khai đề ngày 11/5/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Hoàng Thế T tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ số 35 đường S, tổ 54 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn từ ngày 15/7/2019. Nguyên nhân là ông Hoàng Thế T không có trách nhiệm với gia đình, vợ con, thường xuyên có lời lẽ thô tục xúc phạm bà và có lúc còn đánh đập bà. Bà xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng không khắc phục được, vợ chồng không còn tình cảm nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Hoàng Thế T.

*Về con chung:* Vợ chồng bà có 01 con chung là cháu Hoàng Anh T1- Sinh ngày: 17/7/2015. Ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh và yêu cầu ông Hoàng Thế T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

*Về tài sản chung:* Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng không có.

*Đối với bị đơn ông Hoàng Thế T :* Tòa án đã thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng về việc thụ lý vụ án; thông báo về thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thời gian xét xử nhưng ông Hoàng Thế T vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị B.

*\* Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị B đối với ông Hoàng Thế T .

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Hoàng Anh T1- Sinh ngày: 17/7/2015 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc ông Hoàng Thế T cấp dưỡng nuôi cháu Hoàng Anh T1 mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị B xác định không yêu cầu tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị B, ông Hoàng Thế T phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2021 thì nguyên đơn khởi kiện đối với ông Hoàng Thế T để xin ly hôn và nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và không có nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

[1.2] Bị đơn ông Hoàng Thế T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Thế T.

[2] Về nội dung.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị B và ông Hoàng Thế T tự nguyện kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132, quyền số 01/2014, đăng ký ngày 31/12/2014. Do đó, hôn nhân giữa ông Hoàng Thế T và bà Nguyễn Thị B là hợp pháp, được nhà nước công nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu ly hôn của Bà Nguyễn Thị B, HĐXX nhận thấy: Sau khoảng thời gian sống chung vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Hoàng Thế T không quan tâm và không có trách nhiệm với vợ con, không tôn trọng vợ và gia đình vợ. Vợ chồng ông Hoàng Thế T và bà Nguyễn Thị B đã sống ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay. Trong quá trình thụ lý, giải quyết yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị B, theo xác minh ở địa phương nơi vợ chồng ông Hoàng Thế T và Bà Nguyễn Thị B sinh sống thì ông Hoàng Thế T đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 11/2020. Do đó, Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng yêu cầu ông Hoàng Thế T về giải quyết việc ly hôn với bà Nguyễn Thị B nhưng ông Hoàng Thế T vẫn không về và không có liên lạc gì. Việc ông Hoàng Thế T bỏ đi khỏi địa phương và cắt đứt mọi thông tin liên lạc với bà Nguyễn Thị B thể hiện ông Hoàng Thế T không quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì đến mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà Nguyễn Thị B. Xét mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị B và ông Hoàng Thế T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Thế Thiện.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Anh T1- Sinh ngày: 17/7/2015.

[2.2.1] Đối với yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Anh T1: Tại Biên bản xác minh ở nơi cư trú của ông Hoàng Thế T và bà Nguyễn Thị B thể hiện hiện nay cháu Hoàng Anh T1 đang ở cùng bà Nguyễn Thị B. Vì vậy, HĐXX xét thấy việc giao cháu Hoàng Anh T1 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý và đảm bảo quyền, lợi ích về mọi mặt cũng như để ổn định cuộc sống của cháu Hoàng Anh T1. Do đó, căn cứ Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về việc giao con chung Hoàng Anh T1 cho bà trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.2.2] Đối với yêu cầu buộc ông Hoàng Thế T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng: HĐXX xét thấy mức cấp dưỡng bà Nguyễn Thị B yêu cầu là phù hợp cho việc nuôi dưỡng, học hành, nhu cầu thiết yếu của con chung. Do đó, căn cứ Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị B về mức cấp dưỡng nuôi con.

[2.2.3] Quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, bà B và ông T đều có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung: Tại phiên tòa Bà Nguyễn Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Tại phiên tòa Bà Nguyễn Thị B xác định vợ chồng không có nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về đề nghị của đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng về việc giải quyết vụ án: HĐXX nhận thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng phù hợp với phân tích nêu trên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và bị đơn ông Hoàng Thế T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ:

- Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 56, 81, 82, 83 và 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B đối với ông Hoàng Thế T về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị B được ly hôn với ông Hoàng Thế T. (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 132, quyền số 01/2014 đăng ký ngày 31/12/2014 tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng).

2. Về con chung:

Giao con chung Hoàng Anh T1- Sinh ngày: 17/7/2015 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Hoàng Thế T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 07 năm 2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị B có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Hoàng Thế T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông Hoàng Thế T phải trả khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Cả hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, bên trực tiếp nuôi con không được quyền ngăn cản. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà B xác định vợ chồng không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

5.1. Bà Nguyễn Thị B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008682 ngày 04/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị B đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5.2. Ông Hoàng Thế T phải chịu án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng là 300.000 đồng.

6. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND p. Hòa Thọ Đông;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký tên và đóng dấu**

**Ngô Thị Thanh Tuyền**



## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**